

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61 /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 8 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia  
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi  
giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025  
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA  
KHÓA VII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 1084/QĐ-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân

sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Xét Tờ trình số 7832/TTr-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Báo cáo thẩm tra số 112/BC-BĐT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; Tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 208/BC-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình), với những nội dung sau:

1. Mục tiêu thực hiện Chương trình: Thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với bình quân chung của cả tỉnh, cả nước; đến năm 2025 thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng hơn 2 lần so với năm 2020, giảm 50% số xã, thôn đặc biệt khó khăn.

2. Nội dung đầu tư:

- Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt;
- Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị;
- Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
- Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch;
- Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em;
- Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em;
- Đầu tư phát triển dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn;
- Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

3. Kinh phí thực hiện Chương trình:

a) Vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 là 468.769 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách Trung ương : 376.836 triệu đồng;

- + Vốn đầu tư phát triển : 337.720 triệu đồng;
- + Vốn sự nghiệp : 39.116 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương : 56.525 triệu đồng;
- + Vốn đầu tư phát triển : 50.658 triệu đồng;
- + Vốn sự nghiệp : 5.867 triệu đồng;
- Vốn tín dụng chính sách : 28.685 triệu đồng;
- Vốn huy động khác : 6.723 triệu đồng.

b) Nguồn vốn của Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 từ nguồn vốn sự nghiệp.

4. Danh mục đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 thuộc Chương trình (Có Phụ lục kèm theo).

5. Nguyên tắc, giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình:

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số khó khăn nhất.

b) Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

d) Đa dạng hóa nguồn lực, trong đó ngân sách nhà nước là quan trọng và có ý nghĩa quyết định; vận động thu hút nguồn vốn đầu tư của các hộ dân, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, vốn tín dụng chính sách, vốn ODA, vốn viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia Chương trình.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống các biểu hiện tiêu cực trong quá trình thực hiện Chương trình.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách phù hợp, cùng với ngân sách Trung ương và huy động thêm các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 22 tháng 8 năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thành viên Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Dân tộc UBND tỉnh;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CT HĐND, Tm.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Mạnh Dũng**

Phụ lục

**DANH MỤC ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
						Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh Ngân sách huyện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG CỘNG</b>			388.378	337.720	50.658	37.950	12.708
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			29.738	25.859	3.879	2.715	1.164
1	Phân bổ cho các sở, ban, ngành			29.738	25.859	3.879	2.715	1.164
2	Phân bổ cho các địa phương			504	440	64	45	19
2.1	<b>Hỗ trợ đất ở</b>			269	233	36	25	11
	- Huyện Cam Lâm		2022-2025	122	108	14	10	4
	- Thành phố Cam Ranh		2022-2025	113	99	14	10	4
	- Huyện Diên Khánh		2022-2025	16.946	14.735	2.211	1.547	664
2.2	<b>Hỗ trợ nhà ở</b>			3.984	3.464	520	364	156
	- Huyện Khánh Vĩnh		2022-2025	8.950	7.789	1.161	810	351
	- Huyện Khánh Sơn		2022-2025	929	808	121	85	36
	- Huyện Cam Lâm		2022-2025	132	108	24	19	5
	- Huyện Diên Khánh		2022-2025	639	556	83	58	25
	- Thị xã Ninh Hòa		2022-2025	2.312	2.010	302	211	91
	- Thành phố Cam Ranh			3.775	3.281	494	346	148
2.3	<b>Hỗ trợ đất sản xuất</b>			2.880	2.504	376	263	113
	- Huyện Khánh Vĩnh		2022-2025	215	187	28	20	8
	- Huyện Cam Lâm		2022-2025	52	45	7	5	2
	- Huyện Diên Khánh		2022-2025	488	424	64	45	19
	- Thị xã Ninh Hòa		2022-2025	140	121	19	13	6
	- Thành phố Cam Ranh			8.513	7.403	1.110	777	333
2.4	<b>Hỗ trợ nước sinh hoạt</b>			3.869	3.365	504	353	151
2.4.1	Huyện Khánh Vĩnh			3.869	3.365	504	353	151
-	Mở rộng Hệ thống cấp nước thôn Bắc Sông Giang	Xã Khánh Trung	2022-2025	3.869	3.365	504	353	151

Handwritten signature

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
						Tổng số	Trong đó:	
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2.4.2	Huyện Khánh Sơn			2.322	2.019	303	212	91
-	Đầu tư nối mạng nước sinh hoạt khép kín các khu dân cư	Xã Sơn Bình	2022	2.322	2.019	303	212	91
2.4.3	Huyện Cam Lâm			774	673	101	71	30
-	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Sơn Tân	Xã Sơn Tân	2022-2025	774	673	101	71	30
2.4.4	Thành phố Cam Ranh			1.548	1.346	202	141	61
-	Công trình nối mạng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Suối Rùa, xã Cam Thịnh Tây vào hệ thống cấp nước do Công ty CP Đô thị Cam Ranh quản lý	Xã Cam Thịnh Tây	2022-2025	1.548	1.346	202	141	61
II	Dự án 4 - Tiêu dự án 1: Đầu tư CSHH thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS			267.964	233.012	34.952	25.178	9.774
1	Phân bổ cho các sở, ban, ngành			18.121	15.758	2.363	2.363	
	Xây mới Trạm y tế xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2023	3.775	3.283	492	492	
	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã		2023-2025	14.346	12.475	1.871	1.871	
2	Phân bổ cho các địa phương			249.843	217.254	32.589	22.815	9.774
2.1	Huyện Khánh Vĩnh			127.907	111.224	16.683	11.680	5.003
2.1.1	Đầu tư đường đến trung tâm xã							
	Đường Trung tâm xã đoạn từ UBND xã đến Khu tái định cư thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	Xã Sơn Thái	2023	1.970	1.970			
2.1.2	Xây dựng chợ Liên Sang	Xã Liên Sang	2023-2024	4.154	4.154			
2.1.3	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã DBKK, thôn DBKK							
1	Đường rẽ nhánh Khánh Lê - Lâm Đông, điểm từ trên đến rẫy ông Hà Choang	Xã Giang Ly	2022	2.000	2.000			
2	Đường vào khu sản xuất từ đầu cầu Gia Lộ đến rẫy ông Hà Vương, xã Sơn Thái	Xã Sơn Thái	2022	1.000	1.000			
3	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Van đến rẫy ông Đình Xuân Hương	Thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	2022	1.000	1.000			
4	Đường sản xuất thôn Tà Mờ 1 (Đoạn Tà Mờ 2 giáp đường Khánh Thành đi thị trấn)	Xã Khánh Thành	2022	1.000	1.000			
5	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Văn Nhời đến đất ông Cao Văn Hương	Xã Khánh Trung	2022	1.050	1.050			
6	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối A Pan	Xã Cầu Bà	2022	1.000	1.000			
7	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối Assay	Xã Cầu Bà	2022	1.000	1.000			
8	Đường vào khu sản xuất Suối Gop, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2022	2.000	2.000			
9	Tiếp tuyến đường từ bãi rác vào khu sản xuất kho cỏi	Xã Khánh Thượng	2022	1.100	1.100			
10	Tuyến đường từ nhà ông Hà Bón đến nhà ông Cao Nghiêm, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2022	1.000	1.000			

NỘI DUNG

T	T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
							Tổng số	Trong đó:
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1		2	3	4	5	6	8	9
11		Tuyến đường từ ngã 3 đất ông Vũ Quang Minh vào khu sản xuất (độc gò) đến đất bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2022	2.000	2.000		
12		Tuyến B2 tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba Cánh (B2), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2022	1.000	1.000		
13		Đường từ ông Xi Ngân đi Xi Gia thôn Nước Nhí, xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2022	1.000	1.000		
14		Bê tông hóa đường Cao Chua đi ông Chính	Xã Khánh Phú	2022	1.000	1.000		
15		Đường vào khu sản xuất Bến Khê từ nhà ông Mang Mần đến rẫy ông Nguyễn Ngọc Phan, xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2022	1.200	1.200		
16		Đường vào khu sản xuất Bến Lẻ từ rẫy ông Nguyễn Đình Hiếu đến rẫy ông Cao Văn Luyến, xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2022	1.200	1.200		
17		Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông từ nhà ông Việt đến nhà ông Tiến, tổ 3, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 3, TT Khánh Vĩnh	2022	820	820		
18		Sửa chữa, nâng cấp đường từ rẫy ông Huỳnh đi khu sản xuất, tổ 5, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 5, TT Khánh Vĩnh	2022	1.120	1.120		
19		Đường vào khu sản xuất Suối Gia Lố từ hộ ông Mười đến hộ ông Duy	Xã Sơn Thái	2022	1.000	1.000		
20		Đường khu dân cư Giồng Cao thôn Tà Mỏ, xã Khánh Thành	Xã Khánh Thành	2022	1.000	1.000		
21		Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Hà Thương đến hộ ông Cao Ri Sơn	Xã Sơn Thái	2022-2023	1.000	1.000		
22		Đường từ nhà ông Tạch Văn Du đến đất bà Vừ Thị Miên, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2023	1.200	1.200		
23		Đường từ suối Lau đi Chà Lả, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2023	1.200	1.200		
24		Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Gợi đến rẫy Bà Cạ Thị Nương	Xã Cầu Bà	2023	1.200	1.200		
25		Đường vào khu sản xuất từ cầu treo đến rẫy ông Hà Thủy, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2023	1.000	1.000		
26		Nội tuyến đường vào khu sản xuất Gia Ngọt, xã Liên Sang	Xã Cầu Bà	2023	1.000	1.000		
27		Đường từ công trình suối Dấu vào khu sản xuất suối Dấu, xã Khánh Thượng	Xã Liên Sang	2023	1.000	1.000		
28		Đường từ công trình qua nhà Ka Tô Búi đến khu nhà ông Pi Năng Diệu	Xã Khánh Thượng	2023	2.000	2.000		
29		Đường vào khu sản xuất từ cầu treo thôn 6 đi xã Khánh Trung, xã Khánh Nam	Xã Khánh Thượng	2023	1.000	1.000		
30		Tuyến C5 từ đường đất ông Cao Ngọc Banh đến giáp Sóng Chò (C5), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Nam	2023	1.000	1.000		
31		Nâng cấp và sửa chữa đường ông Bách đi trại Cá tằm	Xã Khánh Hiệp	2023	2.000	2.000		
32		Bê tông hóa đường Ly Tân đi Cao Là Miên	Xã Khánh Hiệp	2023	1.000	1.000		
33		Đường từ đất Cao Văn Đương đến đất Cao Văn Lộc, thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	Xã Khánh Phú	2023	1.000	1.000		
34		Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Trung đến hộ ông Hà Na, xã Sơn Thái	Thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	2023	600	600		
			Xã Sơn Thái	2023	1.000	1.000		

*Handwritten signature*

STT	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
						Tổng số	Trong đó:	
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9
35	Kè chống sạt lở từ hộ ông Hà Môn đến hộ ông Hà Vãng	Xã Sơn Thái	2023	1.000	1.000			
36	Dự án đường sản xuất suối Siêu (Đoạn từ rẫy ông Cao Khiêm tới rẫy ông Cao Xuân)	Xã Khánh Thành	2023	1.000	1.000			
37	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Biệt đến rẫy ông Hà Bước	Xã Cầu Bà	2023	1.000	1.000			
38	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Ri đến rẫy ông Cha Kha	Xã Cầu Bà	2023	1.000	1.000			
39	Đường vào khu sản xuất Gia Lẻ, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2023	2.000	2.000			
40	Tuyến H13 Từ điểm giữa T4 (nhà ông H Tậy Y Dìn) đến khu ruộng suối Nước Nóng (H13)	Xã Khánh Hiệp	2023	1.000	1.000			
41	Bê tông hóa đường Cao Hiệp đi Cao Là Niên	Xã Khánh Phú	2023	1.000	1.000			
42	Đường vào khu sản xuất Ba Dùi từ TL 8 nhà bà Lê Thị Phương Dung đến ruộng ông Lý Văn Cải	Xã Khánh Bình	2023	1.200	1.200			
43	Đường KSX thôn Bến Khê từ Nghĩa trang Bến Khê đến rẫy ông Nguyễn Quốc Dũng	Xã Khánh Bình	2023	1.200	1.200			
44	Đường vào KSX thôn Ba Dùi từ ngã ba rẫy ông Cao Sơn Dục đến rẫy ông Y Bloan	Xã Khánh Bình	2025	1.200	1.200			
45	Nâng cấp, sửa chữa đường từ đất ông Bùi Quang Khanh đến đất bà Phạm Thị Hòa, thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	Thôn Suối Thơm, xã Khánh Đông	2023	600	600			
46	Nối tiếp rẽ nhánh Khánh Lễ - Lâm Đông, điểm từ rẫy ông Hà Choang đến thác Đá Tây.	Xã Giang Lý	2024	2.000	2.000			
47	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Nhơn đến hộ ông Hà Na	Xã Sơn Thái	2024	1.000	1.000			
48	Kè chống sạt lở từ hộ ông Đà Lân đến hộ bà Cà Ưng	Xã Sơn Thái	2024	1.000	1.000			
49	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Nguyễn Đình Hùng đi Chả Lả, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2024	1.200	1.200			
50	Đường từ rẫy ông Cao Là Hiền đến giáp đường Mè Tây, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2024	1.000	1.000			
51	Nâng cấp sửa chữa đường vào khu sản xuất sau trạm bảo vệ rừng, xã cầu bà	Xã Cầu Bà	2024	1.000	1.000			
52	Đường vào khu sản xuất suối a say, thôn Đá Trắng, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2024	1.000	1.000			
53	Nối tuyến đường Suối Qua, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2024	2.000	2.000			
54	Đường từ rẫy ông Pi Năng Đa Vư vào khu sản xuất suối Đa Trang, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2024	1.000	1.000			
55	Đường từ đường BTXM thác Hòm vào khu sản xuất suối Lai	Xã Khánh Thượng	2024	1.000	1.000			
56	Đường từ đất ông Lê Thảo đến đất ông Nguyễn Phi Long, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2024	2.000	2.000			
57	Tuyến B1 Tuyến đường từ điểm ngã tư Cầu treo Hòn Lầy (T5) đến TL8B (nhà ông Y Trung) thôn Ba Cánh (B1), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2024	2.000	2.000			
58	Bê tông hóa đường Cao Dâng đi Suối Lau	Xã Khánh Phú	2024	1.000	1.000			
59	Bê tông hóa đường Cao Linh đi C19	Xã Khánh Phú	2024	1.000	1.000			
60	Xây dựng đường KSX Ba Dùi từ rẫy ông Cao Mã Lú đến rẫy ông Cao Văn Ngân	Xã Khánh Bình	2024	1.050	1.050			



STT	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
						Tổng số	Trong đó:	
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9
61	Xây dựng đường sản xuất từ tỉnh lộ 8 đến rẫy ông Y Niết	Xã Khánh Bình	2024	1.200	1.200			
62	Sửa chữa, nâng cấp đường từ nhà ông Cường đi khu sản xuất, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 3, Thị trấn Khánh Vĩnh	2024-2025	600	600			
63	Trường Tiểu học Khánh Hiệp 1 (Điểm chính). Hàng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, nhà xe	Xã Khánh Hiệp	2024	950	950			
64	Trường Tiểu học Khánh Hiệp 1 (Điểm Cà Thiêu). Hàng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, nhà xe	Xã Khánh Hiệp	2024	950	950			
65	Nối tiếp đường vào khu sản xuất Đa Tây, điểm đầu từ rẫy ông Hà Ba đến rẫy ông Hà Đa	Xã Giang Ly	2025	2.000	2.000			
66	Đường vào khu sản xuất đồng Bến Lội (từ hộ ông Hà Đầy đến hộ ông Cao Cà Ma)	Xã Sơn Thái	2025	823	823			
67	Kè chống sạt lở từ hộ ông Hà Choang đến hộ ông Trung	Xã Sơn Thái	2025	1.000	1.000			
68	Dự án đường vào khu đồng ruộng Ma Lý Thượng	Xã Khánh Thành	2025	943	943			
69	Đường sản xuất Ma Lý đi suối Đá, xã Khánh Thành	Xã Khánh Thành	2025	994	994			
70	Đường từ rẫy ông Cao Là Hiền đến giáp đường Mé Tây, xã Khánh Trung	Xã Khánh Trung	2025	1.000	1.000			
71	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Lương Văn Mên đến rẫy ông Cao Văn Giảng	Xã Khánh Trung	2025	1.000	1.000			
72	Kè chống sạt lở từ nhà ông Hà Giáp đến nhà ông Hà Ri	Xã Cầu Bà	2025	1.200	1.200			
73	Đường vào khu sản xuất Đá Bàn từ rẫy ông Hà Lanh đến rẫy Hà Xuyên, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2025	1.090	1.090			
74	Nối tiếp tuyến đường A Quây Thủy vào đồng ruộng, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2025	1.000	1.000			
75	Đường từ đất ông Cao Xuân Dưa đến đất Nguyễn Đại Hà, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2025	1.500	1.500			
76	Nối tiếp tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Bích Phương vào khu sản xuất Sóng Chò, xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2025	850	850			
77	Tuyến H16 Từ TL8B (đối diện đất ông Tý) đến HS (H16)	Xã Khánh Hiệp	2025	850	850			
78	Đường nối C19 đi Suối Cù thôn Ngã Hai, xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2025	880	880			
79	Bê tông hóa đường Cao Thiệp đi Cao Cà Địa	Xã Khánh Phú	2025	880	880			
80	Xây dựng đường sản xuất từ tỉnh lộ 8 đến nhà ông Cao Văn Phương	Xã Khánh Bình	2025	1.000	1.000			
81	Xây dựng đường từ rẫy ông Cao Văn Thanh đến rẫy ông Cao Sơn Dục, xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2025	1.200	1.200			
82	Trường Tiểu học Khánh Trung (Điểm Bắc Sông Giang). Hàng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, nhà xe	Xã Khánh Trung	2025	950	950			
83	Trường Mầm non Hoa Hồng (Điểm Tà Mơ). Hàng mục: Xây dựng công, tường rào, sân, sân nền cục bộ	Xã Khánh Thành	2025	1.200	1.200			

*Handwritten signature or mark*

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
						Tổng số	Trong đó:	
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9
84	Trường Mầm non Hoa Mai (Điểm Đa Lâm). Hàng mìn; Xây dựng công, tương rào, sân.	Xã Khánh Thượng	2025	950	950			
85	Nâng cấp đường vào khu sản xuất Đá Trắng, xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2025	1.200	1.200			
86	Đường từ đất rẫy ông Hà Đa đến rẫy ông Cao Trung	Thôn Bàu Sang, xã Liên Sang	2025	1.100	1.100			
87	Nâng cấp, Sửa chữa Đường BTXXM Suối Tre đến Hồ Thủy Lợi	Xã Liên Sang	2025	1.200	1.200			
88	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Mạ Nghi đến rẫy ông Cao Cà Mạ	Trần Bồ Lang, xã Sơn Thái	2025	1.100	1.100			
89	Tuyến H17 từ điểm giữa T6 (đất nhà ông Y Hạnh) đến chân đồi Chư Tôn (H17), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2025	1.200	1.200			
90	Đường vào khu sản xuất suối Là Bó (từ đất rẫy ông A Chá đến đất ông Cao Ty), xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2025	1.200	1.200			
	* Chưa phân bổ			18.537	1.854	16.683	11.680	5.003
2.2	Huyện Khánh Sơn			86.191	74.949	11.242	7.870	3.372
2.2.1	Đầu tư đường liên xã							
	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Sơn Trung đi Ba Cùm Bắc	Sơn Trung- Ba Cùm Bắc	2023	2.570	2.570			
2.2.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBK, thôn ĐBK							
1	Đường BTXXM thôn Apa 1 đi khu sản xuất	Xã Thành Sơn	2022	1.000	1.000			
2	Nối tiếp Đường BTXXM từ nhà cộng đồng Apa 1 đi khu sản xuất	Xã Thành Sơn	2022	1.000	1.000			
3	Nâng cấp đường BTXXM thôn Ha Hít, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Võ Tiến Hoàng đến nhà ông Thái)	Xã Sơn Lâm	2022	1.000	1.000			
4	Nâng cấp, mở rộng trục đường chính thôn Du Oai, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Từ đến nhà ông Cao Đình)	Xã Sơn Lâm	2022	1.000	1.000			
5	Sửa chữa phòng học trường mầm non Vành Khuyên	Xã Sơn Bình	2022	1.000	1.000			
6	Đường vào khu sản xuất từ rẫy Bà Tro Thị Hiền Đến rẫy bà Cao Thị Danh	Xã Sơn Bình	2022	1.000	1.000			
7	Nối tiếp đường BTXXM đoạn từ rẫy ông Bình đến đất ông Nghĩa	Xã Sơn Hiệp	2022	2.000	2.000			
8	Làm đường BTXXM vào KSX nghĩa địa thôn Chi Chay	Xã Sơn Trung	2022	1.000	1.000			
9	Làm đường BTXXM từ bất: rúc đến rẫy ông Trung thôn Mạ O xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2022	1.000	1.000			
10	Nối tiếp đườn BTXXM khu 21 hộ đến trấn Ông Lương	Thị trấn Tô Hạp	2022	800	800			
11	Đường BTXXM từ Bia kháo cỏ Dốc Gạo vào khu sản xuất, dân sinh	Thị trấn Tô Hạp	2022	1.200	1.200			
12	Nối tiếp từ suối Lở Ở đi khu sản xuất xóm 4 thôn Dốc Trầu	Xã Ba Cùm Bắc	2022	1.000	1.000			

Handwritten signature or mark at the bottom left corner.

STT	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
						Tổng số	Trong đó:	
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9
13	Nối tiếp tuyến đường từ xóm 14 đi khu sản xuất thỏ A Thị, xã Ba Cạm Bắc			1.000	1.000			
14	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy ông Dũng Bút đến ngã ba thôn Hồn Gấm	Xã Ba Cạm Nam	2022	1.000	1.000			
15	Kè chống sạt lở thôn Tả Giang 1	Xã Thành Sơn	2022-2023	2.000	2.000			
16	Xây dựng tường rào, nhà vệ sinh, sân bóng đá mini cỏ nhân tạo	Xã Thành Sơn	2023	3.000	3.000			
17	Nâng cấp, mở rộng bên phải và bên trái cầu Ko Róa mới vào KSX xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2023	2.000	2.000			
18	Nâng cấp đường từ thôn Xã Bối đi thôn Tả Gụ	Xã Sơn Hiệp	2023	2.000	2.000			
19	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Hiệp	2023	3.000	3.000			
20	Nối tiếp đường BTXM đi khu sản xuất Suối Hai, thôn Ka Tô	Xã Ba Cạm Nam	2023	1.000	1.000			
21	Nối tiếp đường BTXM từ Suối Mè đi khu sản xuất Suối Lau	Xã Ba Cạm Nam	2023	1.000	1.000			
22	Xây dựng tuyến đường từ thôn lợ 9 đi khu sản xuất thôn Tha Màng	Xã Ba Cạm Bắc	2023	1.000	1.000			
23	Xây dựng tuyến đường nối tiếp từ hồ nước nhà ông Bang đi khu sản xuất xóm 10 thôn Tha Màng	Xã Ba Cạm Bắc	2023	1.000	1.000			
24	Sân thể thao Nhà cộng đồng thôn A Thị, xã Ba Cạm Bắc	Xã Ba Cạm Bắc	2023	2.000	2.000			
25	Nối tiếp đường BTXM vào khu sản xuất thôn Chi Chay xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2023	1.000	1.000			
26	Đường BTXM vào KSX nghĩa địa thôn Chi Chay	Xã Sơn Trung	2023	1.000	1.000			
27	Nối tiếp đường BTXM vào KSX TDP Hạp Cường	Thị trấn Tô Hạp	2023	1.500	1.500			
28	Đường BTXM đi KSX và dân sinh TDP Hạp Phú	Thị trấn Tô Hạp	2023	500	500			
29	Xây dựng nhà cộng đồng thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2023	1.600	1.600			
30	Kè chống sạt lở từ đất bà Mầu Thị Bẩy đến đất ông Cao Hồng Xuyên	Xã Sơn Bình	2023	1.000	1.000			
31	Nối tiếp đường BTXM đường vào đồng ruộng Xóm Cỏ đến Cầu Suối Sóc	Xã Sơn Bình	2023	1.000	1.000			
32	Đường BTXM từ nhà bà Cao Thị Khiên đi KSX thôn Tả Giang 1	Xã Thành Sơn	2024	2.000	2.000			
33	Nâng cấp đường BTXM từ ngã 3 thôn Ko Róa đi ra suối xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2024	2.000	2.000			
34	Đường từ rẫy ông Mai thôn Xã Bối đi thôn Hồn Dung, giai đoạn 2	Xã Sơn Hiệp	2024	2.000	2.000			
35	Nâng cấp tuyến đường từ nhà bà Cao Thị Yến đi khu sản xuất thôn A Thị	Xã Ba Cạm Bắc	2024	800	800			
36	Sân thể thao Nhà cộng đồng thôn Suối Đá, xã Ba Cạm Bắc	Xã Ba Cạm Bắc	2024	2.000	2.000			
37	Đường BTXM vào khu sản xuất Suối Đầu bò GDI	Xã Ba Cạm Nam	2024	2.000	2.000			
38	Nhà Văn hóa xã Ba Cạm Nam	Xã Ba Cạm Nam	2024	2.400	2.400			
39	XD Nhà vệ sinh - khu thể thao thôn Suối Mè	Xã Ba Cạm Nam	2024	1.200	1.200			
40	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM liên xã đến nhà ông Mầu Chuẩn (thôn Mả O) xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2024	1.000	1.000			

leand

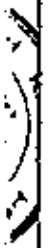
13/11/2023

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
						Tổng số	Trong đó:	
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9
41	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM liên xã đến nhà ông Cao Huy đến Cao Địa (thôn Ma O) xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2024	1.000	1.000			
42	Nối tiếp đường BTXM đường vào đồng ruộng Xóm Cò đến khu sản xuất xóm 6	Xã Sơn Bình	2024	1.000	1.000			
43	Đường BTXM từ nhà VH thôn Xóm Cò đến nhà Cao Hùng	Xã Sơn Bình	2024	1.000	1.000			
44	Nâng cấp, cải tạo nhà cộng đồng thôn Tà Lương, thị trấn Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2024	1.000	1.000			
45	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM vào khu 7 hệ thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2024	2.000	2.000			
46	Đường BTXM từ nhà Ô Cao Trường B đi KSX thôn Apa 1, xã Thành Sơn	Xã Thành Sơn	2025	1.000	1.000			
47	Nối tiếp đường BTXM thôn Tà Giang 2 đi KSX tập đoàn 7	Xã Thành Sơn	2025	1.000	1.000			
48	Nâng cấp đường BTXM thôn Hạ Nứt xã Sơn Lâm (Đoạn từ rẫy ông Xá vào khu sản xuất)	Xã Sơn Lâm	2025	2.000	2.000			
49	Đường BTXM thôn Liên Hiệp	Xã Sơn Hiệp	2025	2.000	2.000			
50	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM xóm 8 thôn Ma O	Xã Sơn Trung	2025	1.000	1.000			
51	Đường BTXM vào KSX KN6 (Thôn Chi Chay) xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2025	1.000	1.000			
52	Nối tiếp đường BTXM từ Suối Mèo đi khu sản xuất Suối Lau	Xã Ba Cụt Nam	2025	2.000	2.000			
53	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Mậu Nhân đến đất Mậu Quốc Dân	Xã Sơn Bình	2025	1.000	379	621	621	
54	Đường BTXM từ nhà ông Huệ đi khu sản xuất thôn Cò Lạc	Xã Sơn Bình	2025	1.000		1.000	1.000	
55	Đường BTXM nối thôn tá Lương với thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2025	2.000		2.000	2.000	
	<i>*Chưa phân bổ</i>			9.421		9.421	6.049	3.372
2.3	Huyện Cam Lâm			23.001	20.001	3.000	2.100	900
2.3.1	Đường đến trung tâm xã							
	Đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã Sơn Tân (Đoạn đường từ xã Cam Tân - Sơn Tân)	Xã Sơn Tân	2022-2023	9.212	9.212			
2.3.2	Nâng cấp chợ Tân Lập xã Cam Phước Tây	Xã Cam Phước Tây	2025	757	757			
2.3.3	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBKX thôn ĐBKX	Xã Sơn Tân	2022	1.000	1.000			
1	Nâng cấp đường từ rẫy ông Xé vào khu sản xuất thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2022-2023	1.000	1.000			
2	Sửa chữa đường từ nhà bà Năm ngã ba thôn Vally đến nhà máy nước	Thôn Suối Lau 3 xã Suối Cát	2022	300	300			
3	Công tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Suối Lau 3	Thôn Vân Sơn xã Cam Phước Tây	2022-2023	300	300			
4	Công tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Vân Sơn	Thôn Vân Sơn xã Cam Phước Tây	2022-2023	300	300			

*Handwritten signature*

STT	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
						Tổng số	Trong đó:	
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Sửa chữa đường vào khu sản xuất thôn Suối Lau 3	Thôn Suối Lau 3 xã Suối Cát	2023	600	600			
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Valey	Xã Sơn Tân	2023	1.500	1.500			
7	Nâng cấp đường từ Ngã ba vào đến Cầu thôn Văn Sơn	Thôn Văn Sơn xã Cam Phước Tây	2023	300	300			
8	Đường từ nhà bà Mầu Thị Cảnh đến nhà ông Cao Văn Hiền	Thôn Văn Sơn xã Cam Phước Tây	2023	300	300			
9	Cải tạo, nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2023	1.500	1.500			
10	Sửa chữa đường nội bộ khu dân cư thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2024	1.000	1.000			
11	Sửa chữa đường từ Trung tâm văn hoá xã đến nhà máy nước	Xã Sơn Tân	2024	1.000	1.000			
12	Nâng cấp đường từ rẫy ông Xé vào khu sản xuất thôn Suối Cốc nội dài	Xã Sơn Tân	2024	1.000	1.000			
13	Sửa chữa đường từ nhà ông Cao Thanh Liễu đến nhà ông Cao Minh Quý	Thôn Suối Lau 3 xã Suối Cát	2024	600	232	368	368	
14	Đoạn đường từ nhà ông Bo Văn Tùng đến nhà ông Cao Văn Đầu	Thôn Văn Sơn xã Cam Phước Tây	2025	600		600	600	
15	Nâng cấp đường từ nhà máy nước đến khu sản xuất thôn Valey nội dài	Xã Sơn Tân	2025	1.000		1.000	1.000	
16	Sửa chữa đường từ nhà bà Năm ngã ba thôn Valey đến nhà máy nước nội dài	Xã Sơn Tân	2025	1.000		1.000	1.000	868
								32
2.4	Huyện Điện Khánh			2.832	2.462	370	260	110
1	Đường vào khu sản xuất xã Điện Tân (đoạn tiếp giáp với khu sản từ đồng ruộng đến hạ lưu hồ Láng Nhớt.)	Thôn Đá Mai Xã Điện Tân	2022-2023	1.200	1.200			
2	Đường vào đồng ruộng thôn Lỗ Gia (giai đoạn 2)	Thôn Lỗ Gia Xã Suối Tiên	2023	300	300			
3	Lắp đặt ống cấp nước nơi cho vùng ruộng 4,3 ba thôn Đá Mai	Thôn Đá Mai Xã Điện Tân	2023	300	300			
4	Kênh mương tiêu đồng ruộng Lỗ Róng - đoạn 3	Thôn Lỗ Gia Xã Suối Tiên	2024	300	300			
5	Nâng cấp, sửa chữa kênh tưới đồng ruộng dân tộc (vùng ruộng ông Kinh, ông Tý)	Thôn Lỗ Gia Xã Suối Tiên	2024	300	300			
6	Nâng cấp sửa chữa đường thôn Lỗ Gia (đoạn từ cây đa đến nhà ông Cao Đàm)	Thôn Lỗ Gia Xã Suối Tiên	2025	432	62	370	260	110
2.5	Thị xã Ninh Hòa			9.155	7.961	1.194	835	359
2.5.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng thôn ĐRKK							

*Handwritten signature*



S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
						Tổng số	Trong đó:	
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	Đường BTXM đi từ nhà ông Hai đi Suối Tre thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Thôn Suối Mít Xã Ninh Tây	2.022	900	900			
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Cao Ta Gân đến cuối đường nhà ông Bàn Đức Thảng thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	Thôn Sông Bung Xã Ninh Tây	2022	450	450			
3	Xây dựng công trường rào, sân, nhà vệ sinh, hệ thống nước nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn Bướn Sim, xã Ninh Tây	Thôn Bướn Sim Xã Ninh Tây	2022-2023	450	450			
4	Đường BTXM đi từ nhà ông Cao Đất đi Suối Chanh thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Thôn Suối Mít Xã Ninh Tây	2023	600	600			
5	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Cao Thần đến nhà ông Cao Văn Á thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	Thôn Sông Bung Xã Ninh Tây	2024	450	450			
6	Đường BTXM từ nhà ông Cao Thần đến Phan Đức Công	Thôn Sông Bung Xã Ninh Tây	2024	600	214	386	386	
7	Đường BTXM từ nhà bà Lương Thị Hồng Thắm đến nhà ông Nguyễn Dồn	Thôn Bướn Sim Xã Ninh Tây	2025	808		808	449	359
2.5.2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp chợ							
1	Nâng cấp chợ thôn Trung 1	Xã Ninh Tân	2024	757	757			
2	Xây mới chợ thôn Suối Sầu	Xã Ninh Tân	2025	4.140	4.140			
2.6	Thành phố Cam Ranh			757	657	100	70	30
	Nâng cấp chợ xã Cam Phước Đông	Xã Cam Phước Đông	2023	757	657	100	70	30
III	Dự án 5 - Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh			40.791	35.471	5.320	5.320	
1	Trường phổ thông DTNT tỉnh			15.876	13.805	2.071	2.071	
1.1	Bổ sung, nâng cấp, cải tạo sửa chữa phòng học và phòng bộ môn Trường DTNT tỉnh			6.808	5.920	888	888	
1.2	Bổ sung, nâng cấp nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc			1.087	945	142	142	
1.3	Bổ sung, nâng cấp sửa chữa khu nội trú cho học sinh trường DTNT tỉnh			5.236	4.554	682	682	
1.4	Bổ sung phòng công vụ cho giáo viên Trường DTNT tỉnh			175	152	23	23	
1.5	Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn + nhà bếp Trường DTNT tỉnh			698	607	91	91	
1.6	Nâng cấp sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch Trường DTNT tỉnh			1.087	945	142	142	
1.7	Nâng cấp sửa chữa nhà kho Trường DTNT tỉnh			543	472	71	71	
1.8	Nâng cấp sửa chữa các công trình phụ trợ khác Trường DTNT tỉnh			242	210	32	32	
2	Trường phổ thông huyện Khánh Vĩnh			9.340	8.122	1.218	1.218	

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
						Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2.1	Bổ sung, nâng cấp, cải tạo sửa chữa phòng học và phòng bộ môn Trường PTDINT Khánh Vĩnh			8.622	7.498	1.124	1.124	
2.2	Bổ sung phòng công vụ cho giáo viên Trường PTDINT Khánh Vĩnh			175	152	23	23	
2.3	Nâng cấp sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch Trường DTNT tỉnh			543	472	71	71	
3	<b>Trường phổ thông DTNT huyện Khánh Sơn</b>			<b>1.048</b>	<b>911</b>	<b>137</b>	<b>137</b>	
4	<b>Bổ sung phòng ở nội trú Trường PTNTNT Khánh Sơn</b>			<b>1.048</b>	<b>911</b>	<b>137</b>	<b>137</b>	
4.1	<b>Trường PTDINT thành phố Cam Ranh</b>			<b>14.527</b>	<b>12.633</b>	<b>1.894</b>	<b>1.894</b>	
4.2	Bổ sung phòng bộ môn Trường PTDINT Cam Ranh			2.725	2.370	355	355	
4.3	Nâng cấp khu nội trú Trường PTNTNT Cam Ranh			9.077	7.894	1.183	1.183	
4.4	Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn + nhà bếp Trường PTDINT Cam Ranh			1.396	1.214	182	182	
4.5	Nâng cấp sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch Trường PTDINT Cam Ranh			1.087	945	142	142	
IV	<b>Bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác Trường DTNT tỉnh</b>			<b>242</b>	<b>210</b>	<b>32</b>	<b>32</b>	
	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch</b>			<b>39.094</b>	<b>33.995</b>	<b>5.099</b>	<b>3.646</b>	<b>1.453</b>
	<i>Phân bổ cho các sở, ngành (5%)</i>			<i>1.955</i>	<i>1.700</i>	<i>255</i>	<i>255</i>	
	<i>Phân bổ cho các địa phương</i>			<i>37.139</i>	<i>32.295</i>	<i>4.844</i>	<i>3.391</i>	<i>1.453</i>
1	<i>Huyện Khánh Vĩnh</i>			<i>13.240</i>	<i>11.513</i>	<i>1.727</i>	<i>1.209</i>	<i>518</i>
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2021-2025	4.618	4.015	603	422	181
	- Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS		2023	476	414	62	43	19
	- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;			4.073	3.542	531	372	159
	- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái DTTS Trìn huyện Khánh Vĩnh			4.073	3.542	531	372	159
2	<i>Huyện Khánh Sơn</i>			<i>12.560</i>	<i>10.922</i>	<i>1.638</i>	<i>1.147</i>	<i>491</i>
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2021-2025	3.938	3.424	514	360	154
	- Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS	Xã Sơn Hiệp	2023	476	414	62	43	19
	- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;			4.073	3.542	531	372	159
	- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái DTTS Raglay huyện Khánh Sơn			4.073	3.542	531	372	159
3	<i>Huyện Cam Lâm</i>			<i>815</i>	<i>709</i>	<i>106</i>	<i>74</i>	<i>32</i>

*Handwritten signature*

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Thời gian K-C-HT	Tổng mức đầu tư 2021-2025	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
						Tổng số	Trong đó:	
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2021-2022	815	709	106	74	32
4	Huyện Diên Khánh			271	236	35	25	10
2	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2022	271	236	35	25	10
5	Thị xã Ninh Hòa			9.098	7.911	1.187	831	356
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2021-2025	952	827	125	87	38
	- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số			4.073	3.542	531	372	159
	- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái DTTS E-đề thị xã Ninh Hòa			4.073	3.542	531	372	159
6	Thành phố Cam Ranh			1.155	1.004	151	105	46
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS & MN		2021-2025	679	590	89	62	27
	- Xây dựng mô hình điểm đến du lịch cộng đồng trải nghiệm	Xã Cam Phước Đông	2024	476	414	62	43	19
V	Tiền dự án 2 thuộc Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN			10.791	9.383	1.408	1.091	317
1	Phân bổ cho các sở, ngành (2,5%)			2.698	2.346	352	352	
2	Phân bổ cho các địa phương			8.093	7.037	1.056	739	317
	- Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	Xã khu vực III, thôn ĐBK	2022-2025	8.093	7.037	1.056	739	317